

Số: 27 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 0206/LC ngày 05 tháng 6 năm 2023; Văn bản số 1601/LC ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Văn bản số 292/LC ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Bà Lâm Thị Lan Chi về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Trang trại chăn nuôi vịt giống” tại ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr-STNMT ngày 05 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bà Lâm Thị Lan Chi, địa chỉ thường trú tại tổ 13, ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Trang trại chăn nuôi vịt giống” tại tổ 13, ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi vịt giống.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 13, ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Số căn cước công dân: 051171014397 cấp ngày 25 tháng 6 năm 2021 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội.

1.4. Mã số thuế thu nhập cá nhân: 8292819119.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trang trại chăn nuôi vịt giống (bao gồm quy trình chăn nuôi vịt giống và quy trình ấp trứng).

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của cơ sở 29.055,3 m².
- Quy mô: Cơ sở nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: 24.500 con/lứa (vịt giống).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bà Lâm Thị Lan Chi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bà Lâm Thị Lan Chi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 20 tháng 3 năm 2024 đến ngày 20 tháng 3 năm 2034).

Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoạt động “Trang trại chăn nuôi vịt giống quy mô 24.500 con/lứa, diện tích chuồng trại 4.800 m²” của bà Lâm Thị Lan Chi tại ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bà Lâm Thị Lan Chi;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Mỹ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27 /GPMT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (bao gồm nước vệ sinh chuồng trại (*chỉ vệ sinh sau mỗi lứa xuất chuồng*); nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị, máy ấp trứng; nước thải phát sinh từ phun sát trùng xe ra vào và sát trùng người).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cạn nằm ở phía Nam của cơ sở và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là hồ Sông Ray.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Nước thải được dẫn bằng ống nhựa PVC ra suối Cạn cách dự án 150m.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 1180656, Y = 453170 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức ra suối Cạn nằm cạnh Dự án, sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là hồ Sông Ray bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: theo mẻ.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau khi xử lý được xả thải vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅	mg/l	46,8	
3	COD	mg/l	117	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	58,5	
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	58,5	
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: từ khu vực nhà vệ sinh chảy về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ theo đường ống dẫn HPDE Ø42 chảy về đường ống thu gom nước thải tại trại chăn nuôi của Dự án.

- Nước thải chăn nuôi: (1) Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị, máy ấp trứng từ nhà ấp trứng chảy về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó sẽ theo đường ống dẫn HPDE Ø42 chảy về đường ống thu gom nước thải tại trại chăn nuôi của Dự án; (2) nước thải từ quá trình như vệ sinh chuồng trại (*chỉ vệ sinh sau mỗi lứa xuất chuồng*) thu gom và chảy ra đường ống thu gom nước thải tại trại chăn nuôi của Dự án và (3) nước thải từ quá trình sát trùng xe, sát trùng người: khi hồ gần đầy sẽ múc thủ công vào các thùng chứa và chuyển về hồ điều hòa để xử lý. Đường ống thu gom nước thải tại Trại là ống nhựa PVC Ø114, tất cả nước thải phát sinh tại Trại đi theo đường ống chảy về hố ga của Dự án, sau đó chảy về hồ điều hòa bằng đường ống nhựa PVC Ø220.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ điều hoà → Bể xử lý sinh học + Lắng SBR → Bể lọc + Trung gian → Bể khử trùng + Chứa nước → suối Cạn → chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là hồ Sông Ray.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

- Thực hiện kiểm tra hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải nhằm đảm bảo không rò rỉ, vỡ đường ống;

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được thu gom và chứa tại hồ điều hoà (diện tích 600 m²); thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải: tại hồ điều hòa.

- Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải: bể khử trùng + chứa nước.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A 2.3.3 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Không thực hiện lấy mẫu (theo khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của hạng mục công trình thuộc dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi từ chuồng chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.
2. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi hôi ảnh hưởng tới người dân sống gần khu vực dự án.
3. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ chuồng chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi số 1.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi số 2.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi số 3.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi số 4.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi số 5.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X: 1.180.768; Y: 453.201.
- Nguồn số 02 có tọa độ: X: 1.180.745; Y: 453.200.
- Nguồn số 03 có tọa độ: X: 1.180.722; Y: 453.199.
- Nguồn số 04 có tọa độ: X: 1.180.698; Y: 453.197.
- Nguồn số 05 có tọa độ: X: 1.180.676; Y: 453.153.

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° (tọa độ đại diện)

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Trồng và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trang trại chăn nuôi nhằm hạ chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.
- Khu sinh hoạt của công nhân được bố trí cách khu vực chuồng nuôi để giảm thiểu ảnh hưởng tiếng kêu của vật.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng phát sinh: 275 kg/năm.

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (kim tiêm)	13 02 01	Rắn/lỏng	30	NH
2	Chất thải nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	Rắn/lỏng /bùn	50	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính khác	16 01 06	Rắn	20	NH
4	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	25	KS
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	5	NH
6	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	10	NH
7	Bao bì mềm thải như bao bì thuốc thú y	18 01 01	Rắn	35	KS
8	Bao bì nhựa cứng thải như chai lọ thuốc thú y bằng nhựa	18 01 03	Rắn	50	KS
9	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác như chai lọ thuốc vaccin bằng thủy tinh	18 01 04	Rắn	50	KS
TỔNG KHỐI LƯỢNG				275	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng phát sinh: 351.837 kg/năm.

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Vịt chết không do dịch bệnh	Rắn	-	490	TT-R
2	Bao bì đựng cám	Rắn	18 01 11	290	TT-R

3	Phân lẫn vỏ trấu lót sàn	Rắn	14 01 12	350.000	TT
4	Bùn từ bể tự hoại,	Bùn	-	50	TT
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 12	30	TT
6	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	5	TT-R
7	Tấm làm mát thải	Rắn	-	972	TT
Tổng khối lượng				351.837	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	02
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	01
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	03

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy nhựa dung tích chứa 60 lít có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 05 m².

- Kết cấu nhà chứa: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông và bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa, có thực hiện dán nhãn, mã chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 05 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Trại bố trí thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít và 90 lít có lót bao nylon được bố trí tại khu vực phát sinh chất thải. Định kỳ cuối ngày chuyển về 01 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 240 lít tại trại để thuận tiện cho việc chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý. Không bố trí kho lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Trong quá trình hoạt động nếu Cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

Đồng